TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **204**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Dương Thị Lụa

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Trần Huy Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1988. Căn cước công dân số: 080188014062 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Việt N, sinh năm 1986. Căn cước số: 096086012147 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ trước ngày 1/7/2026: Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Bà và ông Trần Việt N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (Nay là UBND xã K) theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 07/9/2016. Do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau làm mất hạnh phúc gia đình. Ông N không chăm lo cho con cái và kinh tế gia đình. Nay bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Trần Viêt N1 nên yêu cầu được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/8/2017 và Trần Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 15/10/2020. Hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người con 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 22 tháng 5 năm 2026, bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày bà yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do bà đi làm ăn xa nên bà xin được vắng mặt khi xét xử vụ án.

Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Việt N đúng theo quy định pháp luật nhưng ông N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Việt N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên toà. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Trần Việt N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà G yêu cầu được ly hôn với ông N do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà G và cũng không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông N đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác định có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/8/2017 và Trần Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 15/10/2020. Khi ly hôn bà G yêu cầu được nuôi 02 người con chung, ông N không có ý kiến gì. Mặt khác người con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà G. Do đó để đảm bảo điều kiện sống bình thường, ổn định của con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử cần giao 02 người con chung cho bà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Việt N không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ông Trần Việt N cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình: *"Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên ... trong trường hợp không sống chung với con..."*. Do đó bà G yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần

Nguyễn Quỳnh A và Trần Nguyễn Hoàng A1 là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Việt N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xem xét.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Trần Việt N phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng G. Bà Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với ông Trần Việt N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 20/8/2017 và Trần Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 15/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Việt N không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Việt N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003836 ngày 07/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí. Ông Trần Việt N phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa